

Số: 02/NQ-HĐQT

Trà Vinh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc ban hành quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ Phần Phát triển Điện Trà Vinh

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được Chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư Thông tư 96/2020/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được Bộ Tài chính thông qua ngày 16/11/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển điện Trà Vinh;

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Nghị quyết này là "Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Phát triển điện Trà Vinh".

**Điều 2:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./

#### Nơi nhận:

- Hội Đồng Quản Trị;
- Ban Tổng Giám Đốc;
- Thư ký công ty;
- Website Công ty;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Lê Thị Khê

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 03/QĐ – HĐQT, ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần phát triển Điện Trà Vinh)

Trà Vinh, ngày ..... tháng 02 năm 2024

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>2</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Tài liệu tham khảo.....	2
Điều 3. Các chữ viết tắt.....	2
Điều 4. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 5. Nguyên tắc CBTT .....	5
Điều 6. Phương tiện CBTT .....	6
<b>Chương II: NỘI DUNG CBTT .....</b>	<b>6</b>
Điều 7. Lưu đồ thực hiện .....	6
Điều 8: Các nội dung CBTT .....	8
<b>Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....</b>	<b>9</b>
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng nghiệp vụ liên quan.....	9
Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT .....	9
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm.....	10
Điều 12. Triển khai thực hiện.....	10
<b>PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ....</b>	<b>11</b>
PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH .....	11
PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH .....	16
PHỤ LỤC 1.3: PHÒNG KẾ TOÁN TÀI VỤ.....	13
PHỤ LỤC 1.4 : THƯ KÝ CÔNG TY .....	17
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC .....</b>	<b>24</b>
<b>PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU .....</b>	<b>27</b>

## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc CBTT của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng nghiệp vụ, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ CBTT.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Người CBTT.

b) Các phòng nghiệp vụ liên quan gồm: Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Kế toán tài vụ, Thư ký HĐQT.

c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

### **Điều 2. Tài liệu tham khảo**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc CBTT trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐTĐ ngày 10 tháng 08 năm 2023;
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần phát triển Điện Trà Vinh.

### **Điều 3. Các chữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh

- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK HN/HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- CIMS : Hệ thống quản lý thông tin công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- VSDC : Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- KTT : Kế toán trưởng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CĐL : Cổ đông lớn
- CPQ : Cổ phiếu quỹ
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC : Công ty đại chúng
- NY : Niêm yết
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan
- CTĐC QML : Công ty Đại chúng quy mô lớn
- CTĐC NY : Công ty Đại chúng niêm yết

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

##### **1. Người nội bộ của công ty đại chúng là:**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị; Thành viên Hội đồng quản trị;

- Trưởng Ban kiểm soát; TV Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)
- Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Kế toán trưởng ; ( Trưởng phòng Kế toán tài vụ, người phụ trách kế toán)
- Thư ký công ty; người phụ trách quản trị Công ty; người được ủy quyền CBTT.

- Người đại diện theo pháp luật.

**2. Ngày CBTT** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

**3. Ngày báo cáo về việc CBTT** là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK Hà Nội hoặc ngày UBCKNN, SGDCK Hà Nội nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước.

**4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản:** Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

**5. Bản scan văn bản dùng CBTT** phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

**6. Dữ liệu điện tử dùng CBTT** là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

**7. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng** là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được công ty đại chúng mua lại làm cổ phiếu quỹ.

**8. Người CBTT** là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được uỷ quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được uỷ quyền CBTT công bố.

**9. Người có liên quan** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 4 điều 4 luật Chứng khoán và khoản 23 điều 4 Luật doanh nghiệp có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

e) Công ty mẹ, công ty con;

f) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

**10. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán** (CTĐC quy mô lớn, CTĐC niêm yết, Tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng, Công ty chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ và các Công ty Quản lý Quỹ) là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán<sup>1/</sup>.

### **Điều 5. Nguyên tắc CBTT**

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi CBTT, đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: số Thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thực hiện CBTT.

[<sup>1</sup>] Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

## Điều 6. Phương tiện CBTT

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS PRO.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS.
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

### (\*Lưu ý:

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ; Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT khác theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

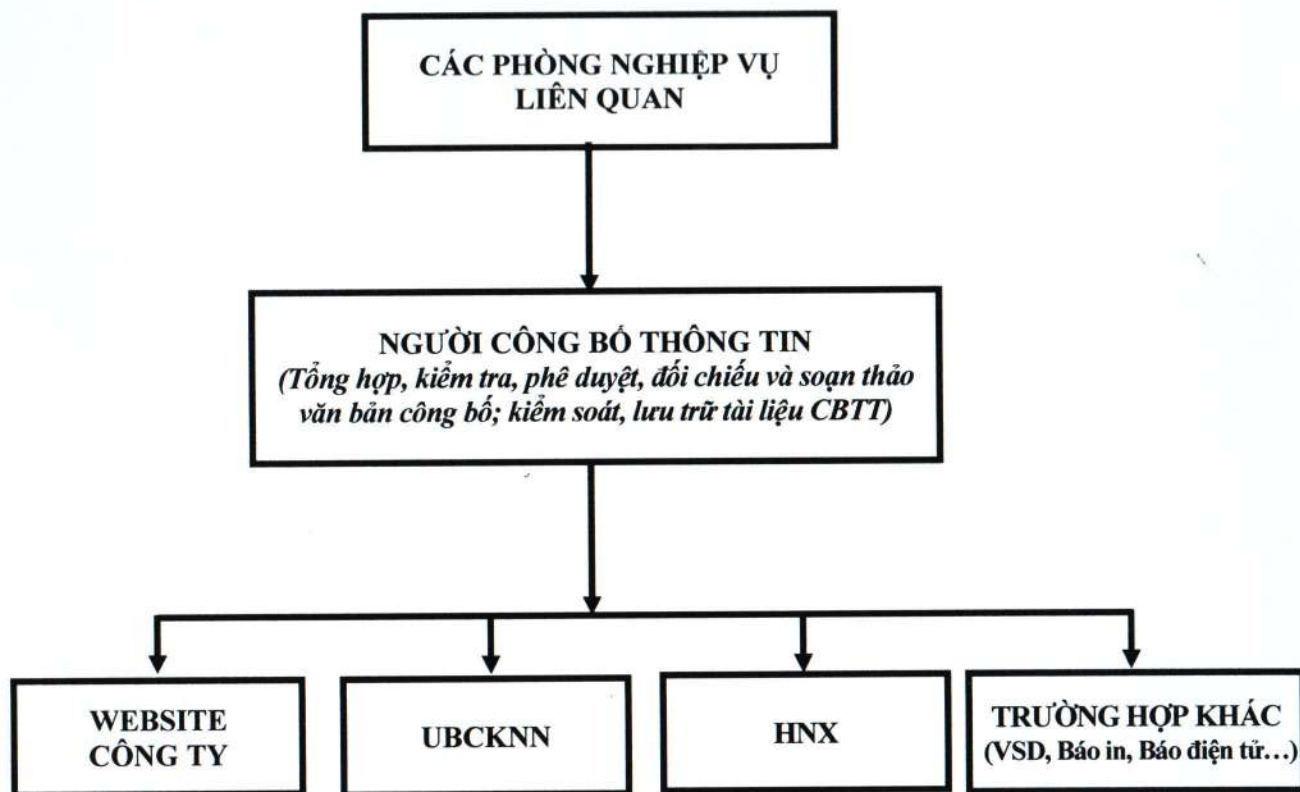
- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.

## Chương II: NỘI DUNG CBTT

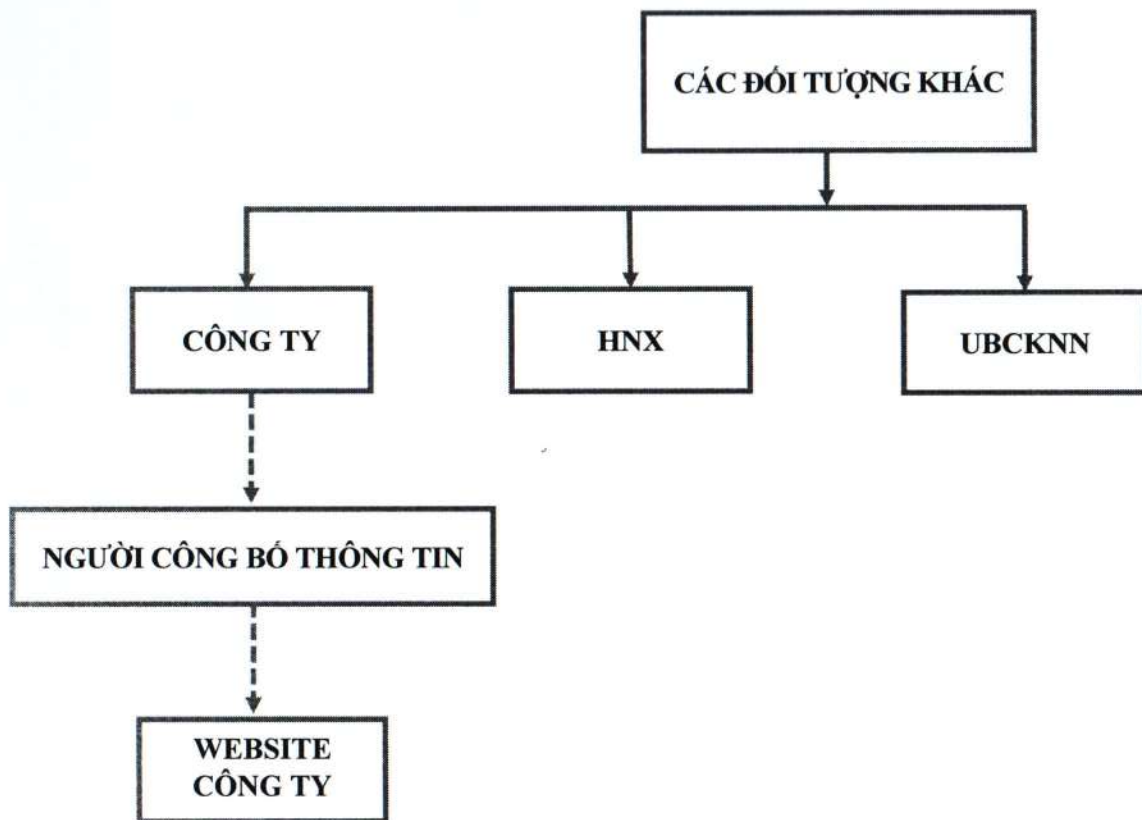
### Điều 7. Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng các Phòng nghiệp vụ liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này





## 2. Áp dụng đối với các đối tượng khác(\*\*)



**Ghi chú:** ———> :Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và Sở GD&ĐT Hà Nội

- - - -> : Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website Công ty.

(\*\*) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

### **Điều 8: Các nội dung CBTT**

**1. Các Phòng nghiệp vụ liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định theo từng Phụ lục cụ thể trong Quy chế CBTT này:**

- a) Phòng Tổ chức – Hành chính : Phụ lục 1.1
- b) Phòng Kế hoạch kinh doanh : Phụ lục 1.2

c) Phòng Kế toán tài vụ : Phụ lục 1.3

d) Thư ký HĐQT : Phụ lục 1.4

2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế CBTT này.

### **Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các Phòng nghiệp vụ liên quan**

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các Phòng nghiệp vụ chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các Phòng nghiệp vụ chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng nghiệp vụ liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT theo quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này.

4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả thực hiện.

#### **Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về CBTT.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng Quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

#### **Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc Phòng nghiệp vụ việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 12. Triển khai thực hiện**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Khê**

**PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN**

**PHỤ LỤC 1.1: PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH**

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ/ Phối hợp giữa các bộ phận)
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
1	Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
2	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung;	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
3	Công bố thông tin về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu 05_CBTT/SGDHN	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
4	Bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
5	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

	bán.			
6	Quyết định đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
7	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
8	Công ty gửi (Bản cứng) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03.	Trong vòng <b>03 ngày làm việc</b> kể từ ngày thay đổi	<b>Trong vòng 20 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
9	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ: Công ty thực hiện công bố thông tin theo - <b>Mẫu 02_CBTT/SGDHN -- Mẫu 03_CBTT/SGDHN.</b>	Gửi kèm quyết định/ Nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	<b>Trong vòng 20 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
10	Trường hợp có phát sinh thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty thực hiện báo cáo SGDCK theo - <b>Mẫu 04_CBTT/SGDHN -- Mẫu 03_CBTT/SGDHN.</b>	Trong vòng <b>03 ngày làm việc</b> kể từ ngày thay đổi	<b>Trong vòng 20 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
11	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
12	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/nghị quyết và công bố thông tin Trong thời	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

		hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.		
--	--	--	--	--

**PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG KẾ TOÁN TÀI VỤ**

TT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH	THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN	GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ/ Phối hợp giữa các bộ phận)
<b>CBTT ĐỊNH KỲ</b>				
<b>Báo cáo tài chính</b>				
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	
2	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được UBCKNN chấp thuận gia hạn	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá <b>100 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	
<b>Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn</b>				
1	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán <i>(Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư)</i>	<b>Định kỳ 06 tháng</b> kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án <b>hoặc</b> cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được	<b>Trước 5 ngày CBTT</b>	
<b>Báo cáo thường niên</b>				

1	Báo cáo thường niên	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	
---	---------------------	---	--------------------------	--

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

1	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty.	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
3	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
4	Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán BCTC của Công ty.	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
5	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có).	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
6	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	



	viên đối với BCTC.			
7	Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét. Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét, Công ty CBTT về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
8	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	
9	Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	

	thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp.			
10	Sau khi chia, tách, sáp nhập, công ty đại chúng là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	

**PHỤ LỤC 1.3 : PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN</b>	<b>GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ/ Phối hợp giữa các bộ phận)</b>
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
1	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

**PHỤ LỤC 1.4: THƯ KÝ CÔNG TY**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>THỜI HẠN CBTT THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>THỜI GIAN CUNG CẤP THÔNG TIN</b>	<b>GHI CHÚ (Bộ phận hỗ trợ/ Phối hợp giữa các bộ phận)</b>
<b>CBTT ĐỊNH KỲ</b>				
<b>Đại hội đồng cổ đông</b>				
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	<b>Trước 5 ngày CBTT</b>	
2	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Chậm nhất <b>10 ngày</b> trước ngày khai mạc họp ĐHCĐ	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	Các phòng ban trong Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin để Thư ký Công ty hoàn thiện tài liệu
3	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHCĐ	<b>Trước 1 ngày CBTT</b>	Thư ký trong Đại hội
<b>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>				
1	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	<b>Trước 5 ngày CBTT</b>	
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Chậm nhất <b>10 ngày</b> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	Các phòng ban trong Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin để Thư ký Công ty hoàn thiện tài liệu

3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	<b>Trước 1 ngày CBTT</b>	Ban kiểm phiếu
<b>Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ</b>				
1	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày <b>30/07</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>	<b>Chậm nhất ngày 25/7</b>	
2	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày <b>30/01 năm tiếp theo</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)</i>	<b>Chậm nhất ngày 25/1</b>	
<b>Công bố thông tin về hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn</b>				
1	Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán	<b>Trước 3 ngày CBTT</b>	
2	Quyết định thay đổi nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn	- Trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử - Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ	<b>Trước 3 ngày CBTT</b>	

		đồng gần nhất		
3	Báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận	Công bố tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận	<b>Trước ĐHĐCĐ 3 ngày</b>	
<b>Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài</b>				
1	Công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	<b>Trước ĐHĐCĐ 3 ngày</b>	
<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
1	Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ.	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
2	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu.	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
3	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
4	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức,	<b>Trong thời hạn 24 giờ</b>	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy</b>	

	thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.		<b>ra sự kiện</b>	
5	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
6	Quyết định thay đổi tên công ty, con dấu của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
7	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
8	Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
10	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

	doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định, tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện đăng ký theo <b>Mẫu06_CBTT/SGDHN.</b>			
11	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
12	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
12.1	<i>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</i>	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
12.2	<i>Trường hợp công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;</i>	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

12.3	<i>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.</i>	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
13	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
14	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	<b>Chậm nhất 10 ngày làm việc</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	<b>Trước 2 ngày CBTT</b>	
15	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	



	hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.			
16	Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
17	Nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
18	Nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	
19	Kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	<b>Trong vòng 12 giờ kể từ xảy ra sự kiện</b>	

### CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:			
	1) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	
	2) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn 12 giờ từ khi nhận được yêu cầu	

## **PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

### **1. CBTT về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty**

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của CTĐC hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải CBTT và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo **Mẫu 16 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy trình này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho CTĐC, UBCKNN và SGDCK theo **Mẫu 17 – CĐL** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy trình này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

**Ghi chú:** Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do CTĐC giao CPQ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

**Ví dụ:** nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức đăng ký giao dịch X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 07 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải CBTT và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

### **2. CBTT về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ**

Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB

phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo **Mẫu 18 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK.

*Ghi chú: NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và CTĐC về kết quả giao dịch theo **Mẫu 19 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

### **3. Ghi chú**

- NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.









- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.









- Trường hợp công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và CTĐC trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

- Trường hợp công ty mẹ của CTĐC hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của công ty đại chúng (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với người nội bộ.

- CTĐC công bố trên website của công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của công ty đại chúng, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB.

### PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU

STT	Nội dung	Biểu mẫu
1.	Báo cáo thường niên (Phụ lục IV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục IV - TT96 - BCTN
2.	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Phụ lục V - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục V - TT96 - BCQT
3.	Thay đổi người nội bộ (Phụ lục I - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục I - Thay đổi NNB
4.	Bản cung cấp thông tin người nội bộ (Phụ lục III - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục III - TT96 - BCCTT
5.	Thay đổi người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục II - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục II - Thay đổi NCLQ của NNB
6.	Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục III - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục III - Thay đổi Giấy CNDKDN
7.	Đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Phụ lục IV - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục IV - TB đăng ký, thay đổi m
8.	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Phụ lục V - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục V - TB thay đổi SLCP đang lưu h

STT	Nội dung	Biểu mẫu
9.	Công bố thông tin bất thường (Phụ lục VI - Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021)	 Phụ lục VI - CBTT bat thuong.docx
10.	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Phụ lục VII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục VII - CDL
11.	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Phụ lục VIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục VIII - CDL giao dich vuot nguc
12.	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của của người nội bộ (Phụ lục XIII - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XIII - Thong bao GD NNB
13.	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Phụ lục XV - Thông tư số 96/2020/TT-BTC)	 Phụ lục XV - Bao cao GD NNB
14.	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Mẫu 07/THQ - Quyết định 109/QĐ-VSD ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2021)	 Mẫu 07-THQ.doc
15.	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)	 Bao cao tien do su dung von
16.	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty (Phụ lục IV - Quyết định số 34/QĐ-HDTV ngày 16/11/2022)	 Phụ lục IV - QĐ 34_QĐ-HDTV.docx

## **PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU**

**Mẫu 01 – BCTN (Báo cáo thường niên)**

**PHỤ LỤC SỐ 04**

**APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Tên Công ty/Name of Company**

**Năm báo cáo/Year**

### **I. Thông tin chung/ General information**

#### **1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ *Trading name:*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Certificate of business registration No:*
- Vốn điều lệ/ *Charter capital:*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital:*
- Địa chỉ/ *Address:*
- Số điện thoại/ *Telephone:*
- Số fax/ *Fax:*
- *Website:*
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ *Securities code (if any):*

#### **Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

- Các sự kiện khác/ *Other events*

#### **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/ *Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*..

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

## **II. Tình hình hoạt động trong năm/*Yearly Operations***

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific*

*reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*

## *2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

## *3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

## *4. Tình hình tài chính/ Financial situation*

### *a) Tình hình tài chính/ Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i></b>	<b>Năm/Year X - 1</b>	<b>Năm/Year X</b>	<b>% tăng giảm/ % change</b>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank</i>			



<i>financial institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i> Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit</i> <i>institutions and non-bank financial</i> <i>institutions:</i> Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> Doanh thu/ <i>Revenue</i> Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and</i> <i>payables</i> Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks:*

<b>Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i></b>	<b>Năm/<i>Year</i> X - 1</b>	<b>Năm/<i>Year</i> X</b>	<b>Ghi chú/<i>Note</i></b>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current</i> <i>ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )			

<p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:  <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>  Nợ ngắn hạn  <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u>  <i>Short term Debt</i></p>			
<p>2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i>  + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)  + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>			
<p>3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i>  + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>:  Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)  Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>			
<p>4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i>  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)  + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)  .....</p>			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions*:

<b>Chỉ tiêu/Figures</b>	<b>Năm/Year X-1</b>	<b>Năm/Year X</b>	<b>Ghi chú/Note</b>
<i>1. Quy mô vốn/ Capital scale</i>			
- <i>Vốn điều lệ/ Charter Capital</i>			
- <i>Tổng tài sản có/ Total assets</i>			
- <i>Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio</i>			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results</i>			
- <i>Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits</i>			
- <i>Doanh số cho vay/Lendings</i>			
- <i>Doanh số thu nợ/Debt collection</i>			
- <i>Nợ quá hạn/ Outstanding debts</i>			
- <i>Nợ khó đòi/Bad debt</i>			
- <i>Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)</i>			
- <i>Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/Total debt Ratio)</i>			
<i>3. Khả năng thanh khoản/ Solvency</i>			

- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) *Cổ phần/Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) *Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*

e) *Các chứng khoán khác/ Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang

lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

**Lưu ý/Note:** (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

## 2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

### a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).*

### b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*

## 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

#### **V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).**

##### **1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ (list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).



e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

## 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng

nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).*

## **VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements***

### **1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions***

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

Mẫu 02 – BCCTT (Bản cung cấp thông tin người nội bộ)

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**APPENDIX 03**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán

To: - *The State Securities Commission*  
- *The Stock Exchange*

1/ Họ và tên /Full name: .....

2/ Giới tính/Sex:.....

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:.....

4/ Nơi sinh/Place of birth: .....

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): .....

Ngày cấp/Date of issue .....Nơi cấp/Place of issue .....

6/ Quốc tịch/Nationality: .....

7/ Dân tộc/Ethnic:.....

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: .....

9/ Số điện thoại/Telephone number: .....

10/ Địa chỉ email/Email:.....

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules: .....

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in others companies:*  
.....

13/ Số CP nắm giữ: ....., chiếm .....% vốn điều lệ, trong đó:*Number of shares in possession..... , accounting for .....% of registered capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:*Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):*.....

+ Cá nhân sở hữu/ *Possess for own account:*.....

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other commitment of holding shares (if any):*

15/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of related persons of declarant:*

STT No.	Tên cá nhân/tổ chức/ <i>Name of individual / institution al related person</i>	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ <i>Number of ID or Passport (for individual) or Number of Business Registration, License of Operation or equivalent legal documents (for institution), date of issue, place of issue</i>	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ <i>Number of shares/fund certificates in possession, ownership rate of registered capital of the public company, public fund (if any)</i>	Mối quan hệ/ <i>Relationship</i>
---------	---	---	--	-------------------------------------

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* .....

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any):* .....

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(*Signature, full name*)

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006  
Related persons are stipulated in Article 34, paragraph 34 of the Law on Securities dated 29<sup>th</sup> June 2006

Mẫu 04 – BC (Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**TIẾN ĐỘ SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHỨNG  
KHOÁN RA CÔNG CHỨNG**

Chứng khoán:.... (tên chứng khoán) GCN chào bán số.../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy  
ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.../.../20...

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên tổ chức chào bán:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

**I. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN RA CÔNG CHỨNG**

1. Tên chứng khoán chào bán:.....

2. Loại chứng khoán:.....

3. Mệnh giá: .....

4. Số lượng chứng khoán chào bán:.....

5. Tổng số lượng vốn huy động:.....

6. Ngày bắt đầu chào bán:.....

7. Ngày hoàn thành đợt chào bán:.....

**II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN HUY ĐỘNG TỪ ĐỢT CHÀO BÁN RA  
CÔNG CHỨNG**

1. Tiến độ dự án đã công bố theo Bản cáo bạch:.....

2. Tiến độ dự án hiện tại:.....

3. Những thay đổi, điều chỉnh (nếu có) và nguyên nhân, lý do điều chỉnh.

....., ngày ... tháng... năm ...  
(tổ chức phát hành)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu 05 – THQ (Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền  
cho cổ đông hiện hữu)**

(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

TÊN TCPH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v

..., ngày..... tháng..... năm.....

## THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.....)

**Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam**

Tên Tổ chức phát hành:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Sàn giao dịch: (ghi rõ HOSE, HNX, UPCOM...)

Xin thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán:

Mã chứng khoán:

Mã ISIN:

Loại chứng khoán: - Cổ phiếu phổ thông  
- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết/hoàn lại/cổ tức...  
(ghi rõ các trường hợp ưu đãi nếu có phát hành)

Mệnh giá:

Ngày đăng ký cuối cùng:

Đồng thời đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán nêu trên.

Địa chỉ email nhận file dữ liệu: (Ghi rõ địa chỉ email của TCPH trong trường hợp TCPH muốn VSD gửi file dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng khoán)

### 1. Lý do và mục đích (ghi những nội dung thực hiện)

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ....
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông....
- Trả cổ tức/tạm ứng cổ tức năm ... bằng tiền
- Trả cổ tức năm ... bằng cổ phiếu
- Thưởng cổ phiếu
- Thực hiện quyền mua cổ phiếu/trái phiếu/trái phiếu chuyển đổi
- Hoán đổi cổ phiếu CTCP...thành cổ phiếu CTCP...

### 2. Nội dung cụ thể (ghi những nội dung thực hiện)

#### a. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông/lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

- Tỷ lệ thực hiện:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông: ....cổ phiếu - ....quyền biểu quyết
- + Đối với cổ phiếu ưu đãi biểu quyết:.....cổ phiếu - ....quyền biểu quyết
- ...
- Thời gian thực hiện:
- Địa điểm thực hiện:
- Nội dung hợp/lấy ý kiến:

#### **b. Trả cổ tức bằng tiền**

- Tỷ lệ thực hiện:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông: ....%/cổ phiếu ( 01cổ phiếu được nhận ..... đồng)
- + Đối với cổ phiếu ưu đãi cổ tức: ....%/cổ phiếu ( 01cổ phiếu được nhận ..... đồng)
- ...
- Thời gian thực hiện: *(Ghi rõ ngày trả cổ tức và ngày trả cổ tức này phải là 01 ngày làm việc)*

- Địa điểm thực hiện:

Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại ..... *(vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...)* từ ngày .....*(ngày này phải trùng với thời gian thực hiện nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

#### **c. Trả cổ tức bằng cổ phiếu/Thưởng cổ phiếu**

- Tỷ lệ thực hiện:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)
- + Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới)

.....

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/cổ phiếu thưởng tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/cổ phiếu thưởng tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

#### **d. Thực hiện quyền mua cổ phiếu**

- Số lượng chứng khoán phát hành:

- Giá phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện: ..... (01 cổ phiếu được hưởng... quyền, ..... quyền được mua..... cổ phiếu mới).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*

- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:

- + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày.....đến ngày.....
- + Quyền mua được chuyển nhượng.... lần
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
- + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày.....đến ngày.....
- + Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng/hạn chế chuyển nhượng....
- Địa điểm thực hiện:
- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.
- Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:
- + Tên chủ tài khoản:.....
- + Số TK: .....
- + Nơi mở TK:.....

#### ***e. Thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi***

- Số lượng trái phiếu chuyển đổi phát hành:
- Giá phát hành:
- Tỷ lệ chuyển đổi: ..... (01 trái phiếu được chuyển đổi thành .....cổ phiếu).
- Phương án làm tròn, phương án xử lý trái phiếu không chuyển đổi hết (nếu có):
- Ví dụ: (*đưa ví dụ cụ thể*)
- Thời gian đăng ký chuyển đổi: Từ ngày.....đến ngày.....
- Địa điểm thực hiện:
- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại.....và xuất trình chứng minh nhân dân.

#### ***f. Hoán đổi cổ phiếu***

- Tỷ lệ hoán đổi:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông: ..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu...)
- + Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữu ....cổ phiếu... được nhận....cổ phiếu ...)
- .....
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):
- Ví dụ: (*đưa ví dụ cụ thể*)
- Địa điểm thực hiện:
- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.



Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có sai phạm.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- SGDCK...;
- Lưu...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

*(chữ ký, họ tên, đóng dấu)*

**\* Tài liệu đính kèm**

(Ghi thông tin các tài liệu phải gửi kèm Thông báo đối với từng mục đích chốt danh sách được quy định tại Điều 8 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

**Mẫu 06 – DS (Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng  
niêm yết đăng ký giao dịch)**

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN**  
**LIST OF STATE SHAREHOLDERS AND MAJORITY SHAREHOLDERS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

**Mã chứng khoán/Stock code:**

**Ngày chốt danh sách sở hữu/Record date:**

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số CMND	Ngày cấp	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ghi chú
		Shareholder type						
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn					
No.	Name of person/organization (name of representative)	State shareholder	Majority shareholder	ID number	Date of issue	Shareholding (shares)	Shareholding (%)	Note:
1	2	3	4	5	6	7	8	9

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose  
information

(Ký, ghi rõ họ tên (chức vụ, đóng dấu-nếu là tổ chức)  
(Signature, full name, position, and seal - in case of  
organization)

**Mẫu 07 – NS (Thay đổi nhân sự)**

**Mẫu 02\_CBT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_/QĐ-SGDHN ngày \_/\_/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Form 02\_SGDHN**

*(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

No: /

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

*(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)*

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số\_ ngày và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số\_ ngày\_, của Công ty\_ (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty\_ (tên tổ chức) như sau:

*Based on Board Resolution No....dated... and/or General Mandate No.... dated... of ..... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ..... (name of organization) as follows:*

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: .....
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: .....

- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any)*:

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*:

\**Tài liệu đính kèm/Attached documents*:

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết  
ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;  
*Board Resolution and/or General  
Mandate on the change in personnel.*
- Danh sách người có liên quan (mẫu  
03\_CBTT/SGDCK)  
*List of related persons (Form  
03\_CBTT/SGDCK).*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT

*Legal representative/Person authorized to  
disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)*

**Mẫu 08 – NNB (Danh sách người nội bộ và người có liên quan)**

**Mẫu 03\_CBTT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDHN ngày / /2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Form 03\_CBTT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No. ..../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

**Mã chứng khoán/Stock code:**

STT	Tên người nội bộ và người có liên quan	Chức vụ/ Mối quan hệ	Địa chỉ	Số ID, Ngày cấp	SL CP của cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ CP nắm giữ (%)	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Điện thoại và Fax
No.	Name of person	Position/ Relationship	Address	ID number, Date of issue	Shareholding (shares)	Shareholding (%)	Appointment date	Dismissal date	Tel. and Fax
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn A	Người nội bộ							
1.1	Nguyễn Thị B	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							

1.2	Nguyễn Văn C	Người có liên quan của Nguyễn Văn A							
1.3									
2									
2.1									
2.2									

**\* Ghi chú/Notes:**

1. Người nội bộ được hiểu theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC/*Insiders are interpreted as in clause 5 Article 2 Circular No.155/2015/TT-BTC.*

2. Nếu người nội bộ là người đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát của công ty, thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn đó/*li insiders are representatives of the institutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, provide detailed information on the institution and the representatives.*

3. Đối với công ty chứng khoán thành viên, chỉ cung cấp thông tin của Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của Người được ủy quyền công bố thông tin/*Member firms shall only provide information of Authorized person to disclose information and related persons.*

4. Cột 8, cột 9: Áp dụng đối với người nội bộ/*Columns No 8, 9: Applicable to insiders.*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

Mẫu 09 – NNB (Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ)

Mẫu 04\_CBTT/SGDHN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDHN ngày / /2016 của Tổng Giám đốc  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch  
Chứng khoán Hà Nội)

Form 04\_CBTT/SGDHN

(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock  
Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: /

No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: Hanoi Stock Exchange

**1. Người nội bộ/Insider**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ hiện tại/Current position:

**2. Người có liên quan/Related person:**

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Địa chỉ liên lạc/Address:
- Điện thoại/Tel.:
- E-mail:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
Legal representative/Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)

**Mẫu 10 – ĐKDN (Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động)**

**Mẫu 05 CBTT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày .../.../2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Form 05 CBTT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**

**CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số ... ngày .../.../, do (cơ quan) ... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

*Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation/License of Operation No... dated... issued by....., we would like to announce the change in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of Operation as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization:
  - Mã chứng khoán/Stock code:
  - Địa chỉ/Address:
  - Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
  - E-mail:
  - Website:
1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
  2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:
  3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):
  4. Ngày có hiệu lực/Effective date:

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Giấy phép hoạt động mới  
New Certificate/License

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT  
Legal representative/Person authorized to





- Mã chứng khoán/*Stock code*:

- Địa chỉ/*Address*:

- Điện thoại liên hệ/*Tel.*:

Fax:

- E-mail:

- Website:

**I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/*Initial disclosed information/Information before change*:**

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only)*:

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*
- Có công ty con/*Having affiliates*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above)*:

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*
- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

**II. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change***

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/*Corporate structure (tick on applicable option only)*:

- Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/*Having no affiliates or sub-units*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc/*Having sub-units*
- Có công ty con/*Having affiliates*
- Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/*Having affiliates and sub-units*

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above)*:

- BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated Financial statements*

- BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*
- BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change:*

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**\* Tài liệu đính kèm/*Attached documents:***

Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.

*Documents on the changes in the registered information.*

**Đại diện tổ chức**

***Organization representative***

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)*

**Mẫu 12 – SLCP (Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành)**

**Mẫu 07\_CBT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_/QĐ-SGDHN ngày \_/\_/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

**Form 07\_CBT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

-----

Số: /

No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....

....., day ... month ... year .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT  
ĐANG LƯU HÀNH**  
**CHANGE IN OUTSTANDING SHARES WITH VOTING RIGHTS**





3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày \_/\_/\_ tại đường dẫn */This information was published on the company's website on ..... (date), as in the link\_:*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**\* Tài liệu đính kèm/Attached documents:**  
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT  
*Legal representative/Person authorized to disclose information*  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*  
*(Signature, full name, position, and seal)*

#### **Mẫu 14 – QTCT (Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty)**

##### **Mẫu 09\_CBTT/SGDHN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_/QĐ-SGDHN ngày \_/\_/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

##### **Form 09\_CBTT/SGDHN**

*(Issued with the Decision No.../QĐ-SGDHN on ....., 2016 of the CEO of Hanoi Stock Exchange on the Information Disclosure Regulation of Hanoi Stock Exchange)*

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**  
-----

Số: /  
No: /

....., ngày ... tháng ... năm .....  
....., day ... month ... year .....

#### **BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY** **INFORMATION ON CORPORATE GOVERNANCE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

STT No.		Câu hỏi Question	Phản trả lời Answer
1	<b>Thông tin chung</b> <i>General Information</i>	Mã CK/Stock code	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%) <i>State shareholding (%)</i>	
3		Cơ cấu tổ chức quản lý/ <i>Organizational structure:</i> chọn 1 trong 2 ( <i>check one only</i> )  (1): Theo điểm a khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/ <i>According to point a clause 1, Article 134, Law on Enterprise 2014</i>  (2): Theo điểm b khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014/ <i>According to point b clause 1 Article 134, Law on Enterprise 2014</i>	<input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>
4		Công ty có Ban kiểm toán nội bộ không? (Có/Không)  <i>Does the company have Audit Committee? (Yes/No)</i>	
5		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?  <i>Number of legal representatives?</i>	
6		Ngày ban hành Điều lệ công ty (bản mới nhất)  <i>Issue date of company's Charter (latest version)</i>	
7		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2014 (Có/Không)  <i>Charter amended according to Law on Enterprise 2014? (Yes/No)</i>	
8		Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/Bất thường (nếu có)  <i>Date of Annual/Extraordinary General Meeting of Shareholders (if any)</i>	
9		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông  <i>Release date of documents for General Meeting of Shareholders</i>	

10		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông <i>Release date of General Mandate and Minutes of General Meeting of Shareholders</i>	
11		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không) <i>Are there any complaints on the organizing/General Mandate of the company's General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
12		Số lần bị SGDCK nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? <i>Number of times that the Exchange reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i>	
13		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông? <i>Number of times that the State Securities Commission reminds the company of the organizing and information disclosure on the General Meeting of Shareholders?</i>	
14	<b>Hội đồng quản trị</b> <i>Board of Directors</i>	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hiện nay? <i>Number of Directors at present?</i>	
15		Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập? <i>Number of independent Directors?</i>	
16		Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Tổng số thành viên Hội đồng quản trị? <i>Percentage of independent Directors/Total number of Directors?</i>	
17		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc không? (Có/Không) <i>Does Chair of the BOD concurrently hold the CEO position? (Yes/No)</i>	



18		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm? <i>Number of BOD meetings in the year?</i>	
19		Công ty có thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị không? (Có/Không) <i>Does the company establish committees directly under the BOD? (Yes/No)</i>	
20		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/ <i>Names of committees directly under the BOD?</i>	
21		Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự không? (Có/Không) <i>Is there any independent BOD member in charge of remuneration/ reward or human resource? (Yes/No)</i>	
22		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên hiện nay? <i>Number of members of supervisory board/auditors at present?</i>	
23	<b>Ban kiểm soát/ Supervisory Board</b>	Số lượng kiểm soát viên là kế toán viên/kiểm toán viên/Số lượng kiểm toán viên là kế toán? (liệt kê cụ thể đối với từng người) <i>Number of supervisors having qualifications of accountants/auditors? Number of members of auditors being accountants?(detailed list by person)</i>	
24	<b>Ban kiểm toán nội bộ (đối với tổ chức không có Ban kiểm soát)</b> <i>Internal Audit Department (in case there is no Supervisory Board in the organization)</i>	Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác (liệt kê tên của kiểm soát viên/kiểm toán viên là người liên quan nếu có) <i>Number of supervisors/auditors being related persons of Directors, CEO and other executives (names of supervisors/auditors being related persons of Directors and CEO, if any)</i>	
25		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên nắm giữ chức vụ quản lý? <i>Number of supervisors/auditors holding executive positions?</i>	

26		Số lượng kiểm soát viên/kiểm toán viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước đó <i>Number of supervisors/auditors who worked in the financial and accounting department or as an auditor for the company within the last 3 years?</i>	
27		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát/Ban kiểm toán nội bộ trong năm <i>Number of meetings of Supervisory Board/Audit Committee in the year</i>	
28		Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không) <i>Does the company's website provide sufficient information to shareholders as stipulated? (Yes/No)</i>	
29	<b>Vấn đề khác</b> <i>Other issues</i>	Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không) <i>Does the company pay dividend within 6 months since the end of the Annual General Meeting of Shareholders? (Yes/No)</i>	
30		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không) <i>Have the Exchange or the State Securities Commission reminded the company on transactions with related parties? (Yes/No)</i>	

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT

*Legal representative/Person authorized to disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)*



*Date of becoming a large-cap public company: From .....*

3. Ngày không còn là tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày \_/\_/\_

*Date of no longer being a large-cap public company: From.....*

4. Ngày kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn: Từ ngày \_/\_/\_

*Termination date of information disclosure as a large-cap public company: From .....*

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ  
CBTT

*Legal representative/Person authorized to  
disclose information*

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)*

**Mẫu 16 – CDL (Báo cáo về ngày trở thành, không còn là cổ đông lớn)**

**PHỤ LỤC SỐ 06**

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ  
ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của  
Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ  
ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ):

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi.

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có):

- Mọi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3: Tại công ty chứng khoán:...

6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi):...

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng:...

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ:...

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

**Mẫu 17 – CDL (Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%)**

**PHỤ LỤC SỐ 07**

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư
  - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư:
  - Quốc tịch:
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
  - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
  - Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....
2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ):
  - Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan:
  - Quốc tịch:
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
  - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có):
  - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3: Tại công ty chứng khoán:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%):
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Lý do thay đổi sở hữu:

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu:  
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

**Mẫu 18 – GD NNB (Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch)**

**PHỤ LỤC SỐ 10**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI BỘ  
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA NGƯỜI NỘI  
BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ ĐẠI CHÚNG  
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý:





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ... tháng ... năm .....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA  
NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA QUỸ  
ĐẠI CHÚNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp.
- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website:  
.....
- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ:
- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có):..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: .....(nêu rõ lý do): \*:  
*Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ.*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng):

- Họ và tên người nội bộ:
- Quốc tịch:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước:
- Địa chỉ thường trú:

